

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HSPT

Ngày: 01-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Bà Huỳnh Thị Phụng

- Thư ký Tòa án: Ông Nguyễn Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 và ngày 01 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 54/2020/TLPT-HS ngày 21 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo Dương Văn T do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2019/HS-ST Ngày 26-11-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Dương Văn T; sinh năm 1969 tại Long An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: phường 6, thành phố T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn T (chết) và bà Mai Thị N (chết); có vợ tên Nguyễn Thị U Nhỏ sinh năm 1965 và hai con chung: lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được tại ngoại cho đến nay. Có mặt.

- Người bị hại kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L; sinh năm: 1971; nơi cư trú: Số 324 đường C, phường 7, thành phố T, tỉnh Long An. Có mặt.

- Bị đơn dân sự: Công ty cổ phần X; Địa chỉ: Số 29 đường Nguyễn Thị B, phường 6, thành phố T, tỉnh Long An. Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trường S, chức vụ tổng giám đốc. Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Công ty cổ phần X là ông Nguyễn Văn C; sinh năm: 1967; nơi cư trú: Số 220/57/6 đường H, phường 5, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Theo văn bản ủy quyền ngày 13/05/2020. Có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc liên quan

đến kháng cáo, kháng nghị, không triệu tập:

- *Người làm chứng:*

1/ Bà Trần Thị Thanh V.

2/ Bà Nguyễn Thị D.

3/ Bà Lê Thị Kim L.

4/ Bà Trần Thị Kim N.

5/ Bà Dương Thị Thảo D.

6/ Ông Lâm Tấn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 22/11/2018 bị cáo Dương Văn T điều khiển xe ô tô biển số 62M-0683 (loại xe ô tô trộn và vận chuyển bê tông) lưu thông trên đường Cử Luyện, phường 5, thành phố Tân An, tỉnh Long An đến trước Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Long An, bị cáo T mở đèn xi nhan bên trái, cho xe chạy vòng qua dải phân cách cố định phân luồng rồi rẽ phải để chuyển hướng qua đường. Do không chú ý quan sát nên xảy ra va chạm với xe mô tô biển số 62R2-0926 do bà Nguyễn Thị L điều khiển cùng chiều làm tai nạn xảy ra, hậu quả bà Nguyễn Thị L bị thương nặng chuyển đến bệnh viện cấp cứu.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông vào lúc 8 giờ 10 phút ngày 22/11/2018 xác định:

- Hiện trạng của đoạn đường nơi xảy ra tai nạn: Là đường thẳng, mặt đường được rải bê tông nhựa.

- Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí người bị hại, phương tiện, tang vật, dấu vết:

(1) Vết cày.

(2) Vị trí xe mô tô biển số 62R2-0926.

(3) Vị trí xe ô tô biển số 62M-0683.

- Xác định điểm mốc và một trong các mép đường nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn:

Chọn mép đường bên phải hướng đường Cao Văn Lầu đến Quốc lộ 1 làm đường chuẩn.

Chọn trụ điện số 30 bên trái đường làm mốc, khoảng cách đến đầu vết cày là 8m72.

- Mô tả theo số thứ tự vị trí người bị hại, phương tiện, tang vật, dấu vết:

(1) Vết cày: Dài 3m75 không liên tục, đầu vết cày cách đường chuẩn 0m93, cách trụ điện số 30 là 8m72.

(2) Xe mô tô biển số 62R2-0926: Nằm nghiêng bên trái, đầu xe hướng về hướng Quốc lộ 1, tâm trục bánh sau cách đường chuẩn là 0m30, tâm trục bánh trước nằm trên đường chuẩn và cách tâm trục bánh xe cuối cùng bên phải của xe ô tô biển số 62M-0683 là 0m98.

(3) Xe ô tô biển số 62M-0683: Đầu xe hướng về Quốc lộ 1, tâm trục bánh xe cuối cùng bên phải cách đường chuẩn là 1m25, tâm trục bánh trước cách đường chuẩn là 0m80.

Tại biên bản khám phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông xe ô tô biển số 62M2-0683 và xe mô tô biển số 62R2-0926 như sau:

- Xe ô tô biển số 62M-0683: Mặt ngoài dè sau bên phải có dấu xước làm sạch bụi dài 0.9cm x 0.5cm. Đo từ đầu phía trước xuống mặt đất là 91cm, đo từ đầu phía sau xuống mặt đất là 92cm. Dè sau bên phải có dấu trầy xước dài 7cm, mặt cạnh của dè có dấu ma sát màu đen 1 x 5cm; mặt ngoài dè sau bên phải có dấu xước 1 x 7cm, đo từ tâm xuống mặt đất là 1m10.

- Xe mô tô biển số 62R2-0926: Đầu tay cầm lái bên trái bị mài mòn cục gù tay lái bị rớt mất, mũi dè trước có dấu mài mòn, mặt nạ trước cạnh bên trái bị mài mòn và nắp bảo vệ pô xe bị trầy xước.

Đối với xe mô tô biển số 62R2-0926, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy đăng ký xe thuộc sở hữu của người bị hại Nguyễn Thị L và xe ô tô biển số 62M-0683, 01 giấy đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định thuộc sở hữu của Công ty cổ phần X, ngày 19/7/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tân An, tỉnh Long An đã ra Quyết định xử lý vật chứng giao trả lại cho các chủ sở hữu.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 05/TNGT.19-PY ngày 19/4/2019 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế Long An kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 73% (Bảy mươi ba phần trăm).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 88/2019/HS-ST Ngày 26-11-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đã xử:

Tuyên bố bị cáo Dương Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Căn cứ vào điểm b khoản 1, Điều 260; Điều 50; Các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Văn T 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Dương Văn T cho Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự, như sau:

- Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

- Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cụ thể như sau: “Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

- Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và các điều 584, 585, 586, 590 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc Công ty cổ phần X phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho người bị hại bà Nguyễn Thị L các khoản thiệt hại như sau:

- Chi phí cho việc cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị giảm sút của người bị hại là: 166.819.879 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu, tám trăm mười chín nghìn, tám trăm bảy mươi chín đồng) (trong đó có 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng) chi phí tập vật lý trị liệu là 07 tháng mỗi tháng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng));

- Thu nhập thực tế bị mất trong 12 tháng mỗi tháng 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) là 72.000.000đ đồng (bảy mươi hai triệu đồng);

- Chi phí thuê người chăm sóc người bị hại trong thời gian điều trị là 36.200.000 đồng (ba mươi sáu triệu, hai trăm nghìn đồng);

- Khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm là 44.700.000 đồng (bốn mươi bốn triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Tổng cộng bốn khoản này là 319.719.879 đồng (ba trăm mười chín triệu, bảy trăm mười chín nghìn, tám trăm bảy mươi chín đồng), đã bồi thường được 164.000.000 đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu đồng), Công ty cổ phần X còn phải tiếp tục bồi thường cho người bị hại bà Nguyễn Thị L là 155.719.879 đồng (một trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm mười chín nghìn, tám trăm bảy mươi chín đồng).

Số tiền trên phải bồi thường sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 09/12/2019, Người bị hại bà Nguyễn Thị L kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm.

Về trách nhiệm hình sự: Tăng hình phạt đối với bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Yêu cầu công ty phải bồi thường 24 tháng mất thu nhập mỗi tháng 6.000.000đ. Tiền 7 năm giảm sút sức lao động mỗi tháng 4.000.000đ. Tiền chi phí tập vật lý trị liệu phục hồi chức năng lao động tay chân là 24 tháng mỗi tháng 4.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Dương Văn T thừa nhận đã thực hiện hành vi đúng như bản án sơ thẩm đã xử, bị cáo xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” là đúng, không oan. Bị cáo không kháng cáo.

Bà Nguyễn Thị L trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Dương Văn T 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo là quá nhẹ với bị cáo T. Bà L không đồng ý với mức bồi thường thiệt hại của Tòa án cấp sơ thẩm là 319.719.879 đồng (ba trăm mười chín triệu, bảy trăm mười chín nghìn, tám trăm bảy mươi chín đồng). Bà L yêu cầu Tòa án tỉnh Long An buộc Công ty cổ phần X bồi thường thiệt hại ngoài số tiền mà án sơ thẩm đã tuyên buộc công ty bồi thường như sau:

- Bồi thường tiền mất thu nhập trong 24 tháng mỗi tháng 6.000.000đ.
- Bồi thường tiền giảm sút sức lao động 7 năm mỗi tháng 4.000.000đ.
- Tiền chi phí tập vật lý trị liệu phục hồi chức năng lao động tay chân là 24 tháng mỗi tháng 4.000.000đ.

Tại phiên tòa bà L bổ sung thêm yêu cầu kháng cáo về tiền tổn thất tinh thần là 50 lần mức lương cơ sở.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Công ty cổ phần X là ông Nguyễn Văn C chỉ đồng ý bồi thường như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Ông không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị L. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm có nội dung:

Về tố tụng: Bị hại Nguyễn Thị L kháng cáo trong thời hạn theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự nên Tòa án sơ thẩm xét xử đối với bị cáo về tội danh và điều luật này là đúng, không oan. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục một phần hậu quả, phạm tội lần đầu, bị cáo đang bị bệnh nhồi máu cơ tim, tăng huyết áp, đái tháo đường, đau dạ dày. Hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên tuyên phạt bị cáo 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo là tương xứng với hành vi bị cáo gây ra.

Bị hại kháng cáo không cung cấp tình tiết gì mới ngoài những tình tiết mà cấp sơ thẩm đã áp dụng nên đề nghị giữ nguyên hình phạt mà án sơ thẩm đã áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự, cấp sơ thẩm buộc Công ty cổ phần X bồi thường cho bà L là 319.719.879đ, đã bồi thường được 164.000.000đ còn phải bồi thường cho bà L số tiền 155.719.879đ. Bà L kháng cáo tăng tiền bồi thường gồm:

- Bồi thường tiền mất thu nhập trong 24 tháng mỗi tháng 6.000.000đ.
- Bồi thường tiền giảm sút sức lao động 7 năm mỗi tháng 4.000.000đ.
- Tiền chi phí tập vật lý trị liệu phục hồi chức năng lao động tay chân là 24 tháng mỗi tháng 4.000.000đ.
- Tiền tổn thất tinh thần là 50 lần mức lương cơ sở.

Xét thấy bị hại yêu cầu tiền tập vật lý trị liệu là 24 tháng mỗi tháng 4.000.000đ nhưng chỉ có cơ sở chứng minh bị cáo tập vật lý trị liệu là 14 tháng nên đề nghị chấp nhận là 14 tháng. Tiền mất thu nhập Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là 12 tháng là phù hợp. Tiền giảm sút sức lao động chưa xảy ra nên không chấp nhận. Tiền tổn thất về tinh thần cấp sơ thẩm áp dụng 30 lần mức lương cơ sở là phù hợp. Sau này nếu bà L có đầy đủ giấy tờ chứng minh thì bà được quyền khởi kiện thành 1 vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Do đó chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại về phần dân sự

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, điểm b khoản 1, Điều 355, Điều 356, điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị hại về hình phạt, chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại về phần dân sự, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 88/2019/HS-ST Ngày 26-11-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An về phần dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị hại bà Nguyễn Thị L kháng cáo trong thời hạn theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

[2] Nguyên nhân tai nạn do bị cáo Dương Văn T gây ra là do bị cáo không chấp hành đúng quy định của Luật giao thông đường bộ, bị cáo điều khiển phương tiện giao thông cho xe chạy vòng qua dải phân cách cố định phân luồng rồi rẽ phải để chuyển hướng qua đường, do không chú ý quan sát nên xảy ra va chạm với xe mô tô biển số 62R2-0926 do bà Nguyễn Thị L điều khiển cùng chiều làm tai nạn xảy ra, hậu quả bà Nguyễn Thị L bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 73%.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

Khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục một phần hậu quả, phạm tội lần đầu, bị cáo đang bị bệnh nhồi máu cơ tim, tăng huyết áp, đái tháo đường, đau dạ dày. Hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Bị cáo không có kháng cáo.

[3] Bị hại kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Bị cáo có khả năng cải tạo nên việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo là tương xứng với hành vi bị cáo gây ra. Bị hại kháng cáo tăng hình phạt không cung cấp tình tiết nào mới nên không chấp nhận kháng cáo của bị hại về tăng hình phạt, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 88/2019/HS-ST Ngày 26-11-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Bị hại kháng cáo yêu cầu Công ty cổ phần Xây lắp – Cơ khí và Lương thực thực phẩm phải bồi thường tiền mất thu nhập 24 tháng mỗi tháng 6.000.000đ, tiền giảm sút lao động 7 năm mỗi tháng 4.000.000đ, tiền vật lý trị liệu phục hồi chức năng 24 tháng. Tại phiên tòa bị cáo bổ sung yêu cầu tiền thiệt hại tổn thất về tinh thần 50 lần tháng lương cơ sở.

Xét thấy tiền mất thu nhập thực tế từ ngày bị hại bị tai nạn đến nay là 18 tháng, bị hại bị thương tật 73% không lao động được là phù hợp nên chấp nhận

18 tháng mỗi tháng 6.000.000đ thành tiền là 108.000.000đ, tiền giảm sức lao động 7 năm là không có cơ sở vì thực tế chưa xảy ra, tiền vật lý trị liệu phục hồi chức năng có xác nhận là 14 tháng nên chấp nhận 14 tháng, mỗi tháng là 4.000.000đ thành tiền là 46.000.000đ là phù hợp. Tiền thiệt hại tổn thất về tinh thần Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận 30 lần tháng lương cơ sở theo yêu cầu của bị hại là phù hợp. Trước phiên tòa bị hại kháng cáo bổ sung 50 lần tháng lương cơ sở là không phù hợp nên không chấp nhận yêu cầu tăng thêm của bị hại. Do đó chấp nhận 1 phần kháng cáo của bị hại về tăng mức bồi thường. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 88/2019/HS-ST Ngày 26-11-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An về mức bồi thường.

Sau này nếu bà L có đầy đủ hóa đơn, chứng từ thì bà L có quyền khởi kiện thành một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí: Bị hại không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Công ty cổ phần Xây lắp – Cơ khí và Lương thực thực phẩm phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các khoản khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị L về phần hình phạt; Giữ nguyên bản án Hình sự sơ thẩm số 88/2019/HS-ST Ngày 26-11-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An về phần hình phạt.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị L về Dân sự; sửa bản án Hình sự sơ thẩm số 88/2019/HS-ST Ngày 26-11-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An về phần bồi thường Dân sự.

[2] Tuyên bố bị cáo **Dương Văn T** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 260; Điều 50; Các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Văn T **01 (một)** năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2019).

Giao bị cáo Dương Văn T về cho Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An theo dõi, giám sát việc bị cáo chấp hành hình phạt án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho

hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

[3] Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và các điều 584, 585, 586, 590 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc Công ty cổ phần X phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho người bị hại bà Nguyễn Thị L các khoản thiệt hại như sau:

- Chi phí cho việc cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị giảm sút của người bị hại là: 194.819.879 đồng (trong đó có 56.000.000 đồng chi phí tập vật lý trị liệu là 14 tháng mỗi tháng 4.000.000 đồng);

- Thu nhập thực tế bị mất trong 18 tháng mỗi tháng 6.000.000 đồng là 108.000.000đ đồng;

- Chi phí thuê người chăm sóc người bị hại trong thời gian điều trị là 36.200.000 đồng;

- Khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm là 44.700.000 đồng.

Tổng cộng bốn khoản này là 383.719.879 đồng, đã bồi thường được 164.000.000 đồng, Công ty cổ phần X còn phải tiếp tục bồi thường cho người bị hại bà Nguyễn Thị L 219.719.879 đồng (hai trăm mười chín triệu, bảy trăm mười chín nghìn, tám trăm bảy mươi chín đồng).

Số tiền trên phải bồi thường sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Bị hại không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Công ty cổ phần Xây lắp – Cơ khí và Lương thực thực phẩm phải chịu 10.986.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM (1);
- VKSNDCC tại TP.HCM (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- STP tỉnh Long An (1);
- TAND huyện (2);
- VKSND huyện (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Bị cáo (1);
- Người TGT;T;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Ngọc Thành